

Bản án số: 37/2025/HS-PT

Ngày: 19-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thiện Tâm

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Quán

Bà Huỳnh Thị Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Vi – Kiểm sát viên.

Các ngày 12 và 19 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2025/TLPT-HS ngày 17 tháng 01 năm 2025. Do có kháng cáo của bị cáo Lê Thị Thái H và người bị hại ông Trần Hữu D, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 119/2024/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:

Lê Thị Thái H, sinh năm 1991 tại tỉnh Long An. Nơi đăng ký thường trú: Số A, đường N, phường G, thành phố T, tỉnh Long An; chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Phụng T, sinh năm 1960 và bà Võ Thị P, sinh năm 1966; bị cáo chưa có chồng và con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/6/2024 cho đến ngày 08/11/2024 chuyển sang biện pháp bảo lãnh cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị Thái H: Luật sư Huỳnh Văn B – Thành viên Đoàn luật sư tỉnh L (Có mặt).

Bị hại kháng cáo: Ông Trần Hữu D, sinh năm 1961. Địa chỉ: Số G, đường L, phường K, thành phố T, tỉnh Long An (Có mặt).

Ngoài ra, vụ án còn có 04 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18/02/2022, ông Trần Hữu D và bị cáo Lê Thị Thái H thỏa thuận và lập hợp đồng viết tay theo mẫu, không có công chứng, về việc: Ông D cho bị cáo H thuê 01 xe ô tô hiệu Toyota Vios, loại 05 chỗ ngồi, màu nâu vàng, biển số 62A-139.88; thời hạn thuê xe từ ngày 18/02/2022 đến ngày 05/3/2022; giá tiền thuê xe 800.000 đồng/ngày; địa điểm làm hợp đồng và giao nhận xe trong ngày tại nhà số D, đường C, thuộc xã A, thành phố T, tỉnh Long An. Còn trong thời hạn của hợp đồng thuê xe, nhưng ngày 22/02/2022 bị cáo H trả lại xe cho ông D và thanh toán số tiền thuê xe của 04 ngày là 3.200.000 đồng.

Sau khi trả xe cho ông D, do cần tiền để trả nợ, nên bị cáo H nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe trên của ông D, nhằm để bán lấy tiền. Để thực hiện, bị cáo H lên mạng xã hội mua loại viết mực tẩy xóa được bằng cục tẩy, viết giấy tay sẵn nội dung thuê xe để đưa ông D ký tên phía dưới; sau đó, bị cáo sẽ tẩy xóa nội dung thuê xe và tự ghi lại thành nội dung ông D đã bán xe cho bị cáo.

Theo như kế hoạch đã lập ra, ngày 05/3/2022 bị cáo H đã liên hệ với ông D để thuê chiếc xe nêu trên đến ngày 20/3/2022, giá tiền thuê xe 800.000 đồng/ngày, địa điểm thuê xe và giao, nhận xe tại khu vực chợ P1, thành phố T, tỉnh Long An. Sau khi đã nhận được xe từ ông D, ngày 06/3/2022 bị cáo H đã bán chiếc xe trên cho một người thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) với giá là 40.000.000 đồng. Trong thời gian này, bị cáo H vẫn trả tiền thuê xe cho ông D 10 ngày với số tiền 8.000.000 đồng.

Đồng thời, bị cáo H đã chuẩn bị giấy bút và viết giấy nhận tiền với nội dung *“Tôi có nhận của chị Lê Thị Thái H số tiền 8.000.000 đồng tiền cho thuê xe 10 ngày”*. Sau khi bị cáo H viết xong biên nhận tiền rồi đưa cho ông D đọc lại, ông D đã ký, ghi rõ họ tên bằng cây viết mà ông D chuẩn bị và giấy này do bị cáo cất giữ. Sau đó, bị cáo H đã tẩy xóa phần nội dung đã viết trước đó, chỉ để lại phần chữ ký và họ tên của ông D, bị cáo Hà T1 viết lại nội dung là *“Tôi có nhận của chị Lê Thị Thái H số tiền 300.000.000 đồng để bán xe vios và cam đoan không thừa kiện”*.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 144/KL-HĐĐGTS ngày 28/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố T, tỉnh Long An, kết luận: Giá trị 01 xe ô tô con nhãn hiệu Toyota, số loại Vios, màu nâu vàng, biển số 62A-139.88 đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 05/3/2022 là 366.850.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 900/KL-KTHS ngày 22/9/2023 của Phòng K Công an tỉnh L, kết luận:

1. Trang 3 của tờ “Kiểm tra” (đóng dấu TLCGD, ký hiệu A) đã được viết bằng bút có sử dụng mực bay màu và phần chữ viết này nằm từ dòng kẻ ô ly thứ 1 đến dòng kẻ ô ly thứ 4 (ngoại trừ phần chữ viết bằng bút mực màu xanh có nội dung *“Tôi có nhận của chị Lê Thị Thái H số tiền 300.000.000 đồng để bán xe vios và cam đoan không thừa kiện”*).

2. Nội dung được viết bằng bút có sử dụng mực bay màu viết trên dòng kẻ ô ly thứ 1 đến dòng kẻ ô ly thứ 4 của trang 3 được khôi phục và nhìn thấy qua thiết bị chuyên dụng, nội dung cụ thể như sau (nội dung được khôi phục trong dấu “ ”):

- “Tôi có nhận của chị Lê Thị Thái H số tiền 8.000.000 đồng tiền cho thuê xe 10 ngày.” (từ dòng kẻ ô ly thứ 1 đến dòng kẻ ô ly thứ 3);

- “Kí tên” (trên dòng kẻ ô ly thứ 4, phía trên chữ ký và chữ viết Trần Hữu D bằng bút bic màu xanh).

Tại Bản kết luận giám định số 1041/KL-KTHS ngày 27/11/2023 của Phòng K Công an tỉnh L, kết luận: Chữ viết bằng bút có sử dụng mực bay màu có nội dung “Tôi có nhận của chị Lê Thị Thái H số tiền 8.000.000đ tiền cho thuê xe 10 ngày. Kí tên” trên tờ giấy nhận tiền ký hiệu A1 và chữ viết “Tôi có nhận của chị Lê Thị Thái H số tiền 300.000.000 đồng để bán xe vios và cam đoan không thừa kiện” bằng bút mực màu xanh trên tờ giấy nhận tiền ký hiệu A2 với: Chữ viết bắt đầu “Cộng hòa ...” và kết thúc “... Lê Thị Thái H” bằng bút bic màu xanh trên 02 (hai) tờ “Bảng tường trình” ký hiệu M1 và M2; chữ viết “Lê Thị Thái H” bằng bút bic màu xanh ở trên phải mục “Hỏi và đáp” trang 1 và trang 5, chữ viết “Lê Thị Thái H” bằng bút bic màu xanh ở mục “Người khai” trang 4 và trang 8, chữ viết bắt đầu “- Các lời khai ...” và kết thúc “... Lê Thị Thái H” bằng bút bic màu xanh ở nửa cuối trang 6, trên tờ “Biên bản ghi lời khai” ký hiệu M3; chữ viết “Lê Thị Thái H” bằng bút bic màu xanh ở mục “Bên thuê xe (Bên B)”, trên tờ “Hợp đồng thuê xe” ký hiệu M4; chữ viết bắt đầu “Cơ quan cảnh sát ...” và kết thúc “Tân An 23 08 2023” (trừ chữ viết “Tân An 23 8 2023”), chữ viết “Lê Thị Thái H” bằng bút bic màu xanh ở mục “Người tự khai/Người tường trình”, trên tờ “Bản tự khai/Bản tường trình” ký hiệu M5; chữ viết bắt đầu “Cơ quan cảnh sát ...” và kết thúc “1 10 2023” (trừ chữ viết “Tân An 01 10 2023”), chữ viết “Lê Thị Thái H” bằng bút bic màu xanh ở mục “Người tự khai/Người tường trình”, trên 03 tờ “Bản tự khai/Bản tường trình” ký hiệu từ M6 đến M8 là do cùng một người viết ra.

Tài liệu, đồ vật bị thu giữ gồm: 01 tờ giấy có nội dung “Tôi có nhận của chị Lê Thị Thái H số tiền 300.000.000 đồng để bán xe vios và cam đoan không thừa kiện” do bị cáo Lê Thị Thái H giao nộp.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 119/2024/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An, đã xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị Thái H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ: Điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 50 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Thái H 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 24/6/2024 đến ngày 08/11/2024.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu nên không xem xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 09/12/2024, bị cáo Lê Thị Thái H kháng cáo với nội dung giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo; bị hại ông Trần Hữu D kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự, yêu cầu buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại với tổng số tiền 1.186.000.000 đồng, gồm: Tiền vi phạm hợp đồng là 1.152.000.000 đồng; tiền thuê xe trong hợp đồng là 4.000.000 đồng; tiền vi phạm xử phạt vi phạm hành chính do điều khiển xe chạy quá tốc độ 02 lần là 30.000.000 đồng (chưa nộp phạt)

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo và người bị hại giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bị cáo Lê Thị Thái H trình bày: Ngày 05/3/2022, bị cáo tiếp tục thuê xe ô tô như nêu trên của ông D lần 02, thời hạn thuê đến ngày 20/3/2022, với giá 800.000 đồng/ngày. Hai bên không có lập hợp đồng thuê mới, ông D ghi bổ sung bên dưới của hợp đồng đã lập trước đây vào ngày 18/02/2022 và bị cáo ký tên xác nhận. Sau khi thuê và nhận được xe, bị cáo H sử dụng xe làm phương tiện đi lại, phục vụ cho việc kinh doanh của bị cáo. Bị cáo trả tiền thuê xe 04 lần, mỗi lần 2.000.000 đồng, tổng cộng là 8.000.000 đồng của 10 ngày thuê xe cho ông D. Do có ý định chiếm đoạt xe của ông D, nên khi trả tiền thuê xe lần thứ 04 cho ông D, bị cáo đã chuẩn bị bút có sử dụng mực bay màu để ghi nội dung “*Tôi có nhận của chị Lê Thị Thái H số tiền 8.000.000đ tiền cho thuê xe 10 ngày*” trên tờ giấy loại tập học sinh, đưa cho ông D xem, ông D tin tưởng ký và ghi họ tên của ông D vào phía bên dưới bằng loại bút thông thường của ông D. Sau đó, bị cáo H xóa nội dung, để ghi lại nội dung “*Tôi có nhận của chị Lê Thị Thái H số tiền 300.000.000 đồng để bán xe vios và cam đoan không thừa kiện*” và bị cáo bán lại chiếc xe ô tô này cho người khác với giá là 40.000.000 đồng. Án sơ thẩm xét xử bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng người, đúng tội, không oan cho bị cáo. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha mẹ tuổi đã cao không có người chăm sóc, bản thân bị cáo cũng mắc bệnh thường xuyên uống thuốc, nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. Đối với kháng cáo yêu cầu bồi thường của người bị hại, bị cáo không đồng ý.

Bị hại ông Trần Hữu D trình bày: Thống nhất như bị cáo H trình bày về việc cho bị cáo H thuê xe ô tô lần 02. Ông D giao xe cùng các giấy tờ theo quy định của pháp luật có liên quan đến xe cho bị cáo H quản lý để sử dụng xe. Bị cáo H có trả tiền thuê xe 04 lần, mỗi lần 2.000.000 đồng, tổng cộng là 8.000.000 đồng của 10 ngày thuê xe cho ông D. Lần trả tiền thứ 04, bị cáo có đưa cho ông D tờ giấy có nội dung “*Tôi có nhận của chị Lê Thị Thái H số tiền 8.000.000đ tiền cho thuê xe 10 ngày*” ông D xem qua nội dung là đúng, nên ký và ghi họ tên bên dưới. Sau đó, bị cáo không tiếp tục trả tiền thuê xe và không giao trả xe cho ông D. Ông D nhiều lần liên lạc với bị cáo H không được, nên khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Tân An. Sau đó, vụ việc chuyển đến Công an thành phố T để giải quyết vụ án hình sự. Về trách nhiệm dân sự: Xe không thu hồi được, gia đình bị cáo đã

bồi thường theo giá trị định giá, nên ông D không có ý kiến gì về phần xe; riêng phần tiền thuê xe theo hợp đồng và quá hạn hợp đồng cùng tiền xe bị phạt do vi phạm luật giao thông, chưa được cấp sơ thẩm xem xét, nên ông D kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án như sau:

- Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo và người bị hại đúng thời hạn và đúng quy định Bộ luật Tố tụng hình sự, nên vụ án đủ điều kiện để xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và xét hỏi tại phiên tòa phúc thẩm, xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lê Thị Thái H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là xét xử đúng người, đúng tội, không oan cho bị cáo và chỉ xử phạt bị cáo 03 năm tù là nhẹ. Xét kháng cáo của bị cáo và người bị hại đều không có căn cứ để chấp nhận, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Thống nhất về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như án sơ thẩm đã xem xét. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo có cung cấp thêm tình tiết về hoàn cảnh gia đình khó khăn đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận. Bị cáo còn có cha mẹ tuổi đã cao không có người chăm sóc. Rất mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội chăm sóc cha mẹ. Đối với kháng cáo của người bị hại không có căn cứ, nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo.

Lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là sai; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Lê Thị Thái H và bị hại ông Trần Hữu D có Đơn kháng cáo. Xét Đơn kháng cáo của bị cáo và người bị hại thực hiện trong thời hạn luật định, nên được xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung vụ việc:

Ngày 05/3/2022, bị cáo Lê Thị Thái H thuê xe ô tô, hiệu Toyota Vios, loại 05 chỗ ngồi, màu nâu vàng, biển số 62A-139.88 của bị hại ông Trần Hữu D, thời hạn thuê đến ngày 20/3/2022, với giá 800.000 đồng/ngày. Trong 10 ngày đầu của

thời hạn thuê xe, bị cáo H thanh toán tiền thuê xe 04 lần, mỗi lần 2.000.000 đồng cho ông D. Xét đây là giao dịch dân sự phù hợp với quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, cũng trong khoảng thời gian này, bị cáo H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe ô tô thuê của ông D, nên đã dùng bút có mực bay màu ghi trên một tờ giấy, loại giấy tập học sinh và đưa cho ông D xem có nội dung *“Tôi có nhận của chị Lê Thị Thái H số tiền 8.000.000đ tiền cho thuê xe 10 ngày”*, ông D tin là thật, nên ký tên xác nhận bên dưới. Sau đó, bị cáo Hà X nội dung ghi lại nội dung *“Tôi có nhận của chị Lê Thị Thái H số tiền 300.000.000 đồng để bán xe vios và cam đoan không thừa kiện”* và bị cáo bán xe ô tô này cho người khác đến nay không thu hồi được. Như vậy, hành vi như trên của bị cáo H là gian dối với chủ sở hữu xe là ông D, nên đã đủ yếu tố cấu thành tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*. Tài sản bị cáo chiếm đoạt trị giá 366.850.000 đồng, là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Do đó, án sơ thẩm xét xử bị cáo phạm tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”* theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là xét xử đúng người, đúng tội, không oan cho bị cáo. Tuy nhiên, án sơ thẩm xác định ý thức chiếm đoạt của bị cáo có trước khi thuê xe và thời điểm chiếm đoạt xe sau một ngày nhận xe từ hợp đồng thuê với ông D là chưa chính xác, việc cấp phúc thẩm xác định lại thời điểm phạm tội của bị cáo cũng không làm thay đổi bản chất của vụ án, nên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3] Về quyết định hình phạt của cấp sơ thẩm và các yêu cầu kháng cáo:

[3.1] Về hình phạt và kháng cáo của bị cáo: Cấp sơ thẩm xem xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ như: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; khắc phục toàn bộ hậu quả cho người bị hại được người bị hại bãi nại; bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, gia đình bị cáo có công với Cách mạng. Là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, còn căn cứ khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định mức hình phạt dưới khung hình phạt là có căn cứ. Với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như trên, cùng với giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt, so với khung hình phạt tù quy định tại khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự, cấp sơ thẩm chỉ xử phạt bị cáo 03 năm tù là thấp.

Bị cáo kháng cáo có cung cấp thêm tình tiết về hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận, là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và là tình tiết giảm nhẹ không đáng kể, nên không có căn cứ để xem xét giảm nhẹ thêm hình phạt đối với bị cáo. Căn cứ Điều 65 Bộ luật Hình sự và được hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15-4-2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xét thấy: Việc cho bị cáo được hưởng án treo sẽ gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội và không có tác

dụng giáo dục riêng, phòng ngừa chung trong xã hội, nên không chấp nhận kháng cáo được hưởng án treo của bị cáo.

[3.2] Về kháng cáo của người bị hại, thấy rằng: Tại Biên bản phiên tòa sơ thẩm, bị hại trình bày về trách nhiệm dân sự sẽ khởi kiện sau, nên án sơ thẩm không xem xét là phù hợp. Do yêu cầu này của ông D chưa được cấp sơ thẩm xem xét, nên cấp phúc thẩm không có căn cứ để xem xét. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị hại. Ông D có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự riêng, theo thủ tục tố tụng dân sự.

[4] Từ những căn cứ và nhận định trên: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Thái H và người bị hại ông Trần Hữu D. Giữ nguyên về hình phạt đối với bị cáo tại Bản án hình sự sơ thẩm số 119/2024/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An, như đại diện của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa đề nghị là có căn cứ để chấp nhận. Quan điểm bào chữa của Luật sư không có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ các Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xét bị cáo và người bị hại kháng cáo không được chấp nhận, nên phải chịu án phí sung vào ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, ông D là người cao tuổi nên được miễn án phí.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2021.

Không chấp nhận kháng cáo về hình phạt của bị cáo Lê Thị Thái H. Giữ nguyên về hình phạt đối với bị cáo Lê Thị Thái H tại Bản án hình sự sơ thẩm số 119/2024/HS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Không chấp nhận kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự của người bị hại ông Trần Hữu D.

2. Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị Thái H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ: Điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 50 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Thái H 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, nhưng được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giam từ ngày 24/6/2024 đến ngày 08/11/2024.

3. Về án phí:

Căn cứ: Các Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2021 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Lê Thị Thái H nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

Bị hại ông Trần Hữu D được miễn án phí.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An (01);
- Công an tỉnh Long An (01);
- TAND thành phố Tân An (02);
- VKSND thành phố Tân An (01);
- CQCSĐT Công an tỉnh Long An. (01);
- Chi cục THADS thành phố Tân An (01);
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thiện Tâm